

Số: 05/BC-TrMNTB

Điện Biên Phủ, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025-2026

Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-SGDĐT, ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT. Trường Mầm non Thanh Bình báo cáo về việc thực hiện công khai tại trường cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Thanh Bình

Loại hình cơ sở giáo dục: Mầm non

Địa chỉ: Tổ 6, , phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Email: mnthanhbinh@gmail.com

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên Phủ

Năm học báo cáo: 2025-2026

Hiệu trưởng: Lê Thị Tâm

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁶
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên		
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	100	100
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	0	0

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	16	16	0	0	0	0
	Lĩnh vực A						
	Lĩnh vực B						

...						
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	16	16	0	0	0
	Lĩnh vực A					
	Lĩnh vực B					

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	3	3
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	2	2
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	31.25	31.25

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)	12.7	11.7
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	4.31	3.98
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	0	0
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	20	20
5	Số bản sách/người học	125	125
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100	100
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	Đảm bảo	

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Tổ 6, phường Điện Biên Phủ	2490	845
2	Cơ sở...	0		

3	Phân hiệu...	0	
	...		
Tổng cộng		2490	845

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà	0	0
2	Nâng cấp tòa nhà...	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	0	0
Tổng cộng			0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Sở Giáo dục và Đào tạo (SGD&ĐT).
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: TCQT
- Mức độ đạt kiểm định: Mức 3
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 17 tháng 07 năm 2023 đến ngày 17 tháng 07 năm 2028.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1		Giáo dục mầm non		SGD&ĐT	17/07//2023

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	82	82
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	0	0

3	Tỷ lệ thôi học	0	0
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	0	0
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	100	100
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	100	100
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	100	100
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	100	100
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	0	0

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
I	Đại học				
1	Lĩnh vực 1				
	Chính quy				
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
2	Lĩnh vực 2				
...	...				
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Lĩnh vực 1				
2	Lĩnh vực 2				
...	...				
III	Tiến sĩ				
1	Lĩnh vực 1				
2	Lĩnh vực 2				
...	...				

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ		
2	Số công bố khoa học/giảng viên		
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên		

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước		
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh		
3	Đề tài cấp cơ sở	6	
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)		
5	Đề tài hợp tác quốc tế		
	Tổng số		

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích		
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực		
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế		
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế		
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích		

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		

2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		
---	-----------------------------	--	--

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo	113.195.000	
1	Học phí, lệ phí từ người học	60.710.000	
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Tài trợ các HĐGD (Phụ huynh)	52.485.000	
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	5.244.222.393	
I	Chi lương, thu nhập	5.012.387.349	
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên		
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	5.012.387.349	
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	231.835.044	
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	231.835.044	
III	Chi hỗ trợ người học	7.350.000	
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	7.350.000	

2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI		

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Chỉ thị nhiệm vụ năm học đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành. Đẩy mạnh việc thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua hướng tới thực hiện chủ đề của năm học 2025-2026.

- Làm tốt công tác truyền thông huy động, vận động trẻ trong độ tuổi đến trường, tăng tỷ lệ trẻ ra lớp và đi học chuyên cần, đảm bảo duy trì và phát triển quy mô trường, lớp mầm non theo kế hoạch.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số; Kế hoạch thực hiện Chuyên đề Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm...

- Đẩy mạnh đổi mới công tác quản lý tại các cơ sở GDMN theo hướng tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, thực hiện tốt Quy chế dân chủ và nâng cao đạo đức nhà giáo và văn hoá công vụ.

- Tiếp tục huy động các nguồn lực bổ sung, nâng cấp các điều kiện đảm bảo để duy trì đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, công nhận duy trì đạt chuẩn đúng thời gian và quy trình quy định và chuẩn bị các điều kiện để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN: Tiếp tục nâng cao chất lượng tăng cường tiếng Việt cho trẻ người dân tộc thiểu số, quan tâm giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; đảm bảo Quyền trẻ em trong các cơ sở GDMN.

- Tổ chức thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh. Quan tâm đầu tư và nâng cao chất lượng tổ chức cho trẻ làm quen với tin học, ứng dụng công nghệ số vào quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

- Triển khai các giải pháp xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, cháy, nổ... trong trường học.

- Duy trì trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II; trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ III.

- Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho trẻ em và CBQL, giáo viên, nhân viên theo quy định; quan tâm tạo điều kiện để CBQL, giáo viên, nhân viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, học tiếng dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy. Tích cực áp dụng hình thức tổ chức hội thảo, tập huấn, trao đổi công tác qua mạng Internet; sử dụng các phần mềm trong quản lý, giảng dạy tại nhà trường.

2. Giải pháp cơ bản

- Tiếp tục xây dựng khối đoàn kết, triển khai thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chính sách phát triển GDMN của Nhà nước; chỉ đạo thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua của ngành, đặc biệt là phong trào thi đua đổi mới, sáng tạo trong dạy và học; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò, vị trí của GDMN.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới hình thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn, nâng cao tại cơ sở GDMN; khuyến khích giáo viên, CBQL học tập nâng cao trình độ đào tạo đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non.

- Phát huy vai trò của đội ngũ CBQL, GVMN cốt cán trong việc nâng cao năng lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu để triển khai chương trình GDMN mới.

- Nâng cao chất lượng đổi mới công tác quản lý, phát huy vai trò của người đứng đầu trong điều hành, quản lý các hoạt động của trường.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, phòng chống tai nạn thương tích giàu ngôn ngữ tiếng Việt; thực hiện có hiệu quả tăng cường tiếng Việt cho trẻ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua các mô hình phối hợp giữa nhà trường - gia đình của trẻ và cộng đồng.

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động các nguồn lực duy trì trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II; trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ III, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng trẻ em.

- Tham mưu, phối hợp chỉ đạo thực hiện các chế độ chính sách đối với nhà giáo, trẻ mầm non theo quy định.

Trên đây là Báo cáo công khai thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026 của trường mầm non Thanh Bình./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)



Lê Thị Tâm